

KHẢO SÁT BỨC BÌNH PHONG Ở ĐÌNH LÀNG THẠC GIÁN

INVESTIGATING THE SCREEN OF THAC GIAN COMMUNAL TEMPLE

Trương Thị Thanh Thùy¹, Nguyễn Ngọc Chinh², Nguyễn Ngọc Nhật Minh²

¹Lớp 14CNQTH03, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; thanhthuy1112@gmail.com

²Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; nnchinh@ufl.udn.vn

Tóm tắt - Dọc theo dải đất hình chữ S của Việt Nam ta không khó để bắt gặp hình dáng của bức bình phong xuất hiện trong đình, đền, lăng mộ, nhà thờ họ, nhà ở,... Mỗi bức bình phong mang một kiểu dáng riêng đã trở thành các tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao và góp phần làm nên cái hồn cho mỗi công trình kiến trúc. Bình phong, tuy chỉ là một yếu tố nhỏ trong tổng thể công trình kiến trúc, nhưng từ lâu đã trở thành nét đẹp truyền thống trong kiến trúc Việt bởi những ý nghĩa, công dụng và cả giá trị mà nó mang lại. Bài báo khảo sát bức bình phong ở đình làng Thạc Gián, thành phố Đà Nẵng - một tác phẩm mang giá trị nghệ thuật cùng với các giá trị văn hóa đặc sắc, mang ý nghĩa về mặt tâm linh, là dấu ấn lịch sử đối với đình làng Thạc Gián và thể hiện triết lý âm dương qua hình tượng long mã và biểu tượng nhật nguyệt.

Từ khóa - bình phong; đình làng Thạc Gián; nét đẹp truyền thống; tác phẩm nghệ thuật; triết lý âm dương.

Abstract - Along the S-shaped land of Vietnam, it is not difficult to see the screens that appear in temples, tombs, family temples, dwelling houses Each screen has a unique design that has become an art work of high value and contributes to the soul of each architecture. The screen, although only a small element in the overall architecture, has long become the traditional beauty of Vietnamese architecture by the meaning, utility and value it brings. The paper examines the screen of Thac Gian communal temple, Da Nang city - a work of artistic value, of special cultural values, of spiritual significance, a historical mark for Thac Gian village. It also expresses the philosophy of yin and yang through the code icon and the moon symbol.

Key words - screen; Thac Gian communal house; traditional beauty; art work; yin and yang philosophy.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa là sản phẩm của loài người, hình thành và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Mỗi một cộng đồng người mang một bản sắc văn hóa riêng. Việt Nam có 54 dân tộc anh em sinh sống trên cùng một lãnh thổ, mỗi dân tộc mang một bản sắc văn hóa riêng đã làm nên một nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Tuy nhiên, nền văn hóa cổ truyền này đang đứng trước những thách thức của thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Nhiều nét văn hóa đang bị mai một dần, biến mất hoặc biến dạng. Trong đó, bức bình phong trong kiến trúc truyền thống Việt Nam cũng không nằm ngoài quy cơ đó. Trong kiến trúc xưa, bức bình phong dường như hiện diện ở mọi nơi từ cung đình, phủ đệ đến các đền chùa, am miếu, đình làng, nhà thờ họ, nhà thường dân. Bức bình phong vừa mang ý nghĩa về mặt trang trí lẫn về mặt phong thủy theo ý niệm xuất phát từ Trung Quốc. Vì vậy, vấn đề đặt ra lúc này là cần bảo tồn những giá trị văn hóa ẩn chứa sau bức bình phong và phát huy giá trị văn hóa truyền thống này. Bài báo trình bày nguồn gốc, cấu tạo, ý nghĩa và giá trị văn hóa của bức bình phong ở đình làng Thạc Gián. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của đình làng Thạc Gián nói chung và bức bình phong ở đình làng Thạc Gián nói riêng.

2. Tổng quan nghiên cứu và khái niệm

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Với các giá trị mang lại thì đến nay bình phong vẫn là chủ đề mà các nhà nghiên cứu văn hóa - kiến trúc quan tâm và tìm cách bảo tồn.

Đầu tiên phải kể đến luận án “*Nghệ thuật trang trí bình phong ở Việt Nam*” của Đặng Mai Anh. Đây được xem là công trình đầu tiên nghiên cứu toàn diện và hệ thống nguồn gốc xuất hiện và quá trình phát triển của bức bình phong trong diễn trình văn hóa Việt Nam. Từ những nghiên cứu,

tác giả muốn làm rõ giá trị văn hóa cũng như giá trị nghệ thuật và ứng dụng bức bình phong trong không gian nội - ngoại thất đương đại. Ngoài ra, trong *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 360*, tháng 6 năm 2014, tác giả Đặng Mai Anh đã có bài viết “*Trang trí và ứng dụng bình phong trong cuộc sống*”. Bên cạnh đó, còn nhiều bài viết và công trình nghiên cứu khác như: “*Bình phong trong kiến trúc truyền thống Việt*” của nhà nghiên cứu Nguyễn Thừa Ké, được in trên *Tạp chí Di sản Văn hóa số 9* (năm 2004); bài viết “*Bình phong và non bộ trong kiến trúc cung đình Huế*” của Tiến sĩ Phan Thanh Hải, Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế; bài viết “*Đôi nét về bình phong ngoại án thời Nguyễn ở Huế*” được in trên *Tạp chí Di sản Văn hóa*, số 3(48), 2014, của tác giả Đặng Mai Anh khái quát về chức năng và cách trang trí các bức bình phong thời Nguyễn ở Huế. Mặt khác, các tác giả Trần Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Ngọc Tùng, Tâm An, Đinh Bảo Hiếu trong bài viết “*Kiến trúc bình phong trong nhà vườn truyền thống Huế*” in trên *Tạp chí Kiến trúc số 07*, 2015, đã nghiên cứu tổng quan về đặc điểm kiến trúc, cấu tạo của các bức bình phong của nhà vườn truyền thống Huế. Từ đó, các tác giả đã đưa ra định hướng bảo tồn và cải tạo bình phong ở nơi đây.

Bức bình phong ở đình làng Thạc Gián cho đến nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu để làm rõ nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị của bình phong ở đình làng Việt Nam nói chung và ở đình làng Thạc Gián nói riêng, từ đó hiểu hơn về một nét đẹp trong kiến trúc truyền thống của Việt Nam.

2.2. Các khái niệm liên quan

Khái niệm về bức bình phong

Từ xưa đến nay, cụm từ bức bình phong dường như không hề xa lạ đối với mọi người dân Việt Nam. Cách dùng mà ta thường nghe là khi nói về “cái để nguy trang, để che đây, nói chung”. Cụ thể là khi một người bị người khác lợi dụng làm bình phong nhằm che đây một bí mật hay điều gì

xấu. Tuy nhiên, theo từ điển tiếng Việt, ngoài nghĩa trên, bình phong còn có nghĩa là “vật dùng để chắn gió, chắn tầm nhìn hoặc để che cho đồ trống trải, thường xây bằng gạch trước sân hay làm bằng khung gỗ có căng vải đặt trong phòng” [8, tr. 98]. Thực chất, từ “bình phong” được xuất phát từ Trung Quốc và được cấu tạo bởi hai từ: bình (trong tiếng Trung được viết là 屏, mang nghĩa che chắn) và phong (được viết bằng tiếng Trung là 風, mang nghĩa là gió). Như vậy, từ nghĩa gốc là che chắn gió thì bình phong đã đi vào cuộc sống đời thường của con người với một hàm ý tiêu cực.

Khái niệm về đình làng

Đình là “nhà công cộng của làng thời trước, được xây dựng để làm nơi thờ Thành hoàng và họp việc làng” [8, tr. 437]. Đình làng là một thiết chế văn hóa cổ truyền và đóng vai trò quan trọng trong đời sống làng xã người Việt. Đình làng là trung tâm văn hóa, hội họp đồng thời cũng là nơi dân làng gửi gắm niềm tin, ước vọng về một cuộc sống tốt đẹp trong tương lai, thông qua các hình thức tín ngưỡng - lễ hội đầy màu sắc, thấm đậm tính nhân văn. Nhà văn Tô Hoài có luận về “cái đình làng” trong Chuyện cũ Hà Nội rằng: “Cái đình là trung tâm của làng. Làng nào cũng có đến thờ ông thần hoàng. Đình được cất cao ráo khang trang, thể tất theo phong thủy, nơi phong quang nhất làng”.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Đặc điểm, vị trí của bức bình phong ở đình làng Thạc Gián

Đầu tiên nói về thời gian xây dựng của bức bình phong, vào thời ban sơ, lúc ngôi đình mới xây dựng thì bức bình phong như ngày nay chưa được tạo dựng bởi vào lúc này thì nguyên liệu gạch, đá chưa được áp dụng vào trong kiến trúc xây dựng mà chỉ có các vật liệu có sức bền thấp như tre, nứa,... Cho mãi đến đời vua Minh Mạng (1820 - 1840), “...ngôi đình được xây dựng lại bằng các vật liệu chủ yếu là gạch và gỗ thì bình phong cùng lúc này mới được tạo dựng” [2, tr. 147 – 148].

Bức bình phong của đình làng Thạc Gián thuộc loại bình phong ngoại án và được xây dựng bằng gạch đá, vôi vữa. Nhìn tổng thể, bức bình phong có hình dạng của một chiếc thư, chiếc thư là loại văn bản hành chính mà vua dùng để ban xuống cho dân chúng và có nguồn gốc từ Trung Hoa. Cấu tạo của bức bình phong chỉ có hai phần là phần thân và phần đế mà không có phần đỉnh. Trong đó, phần đế chỉ được xây dựng thành khối chữ nhật đơn giản, không có họa tiết trang trí. Xét về phần thân, mặt trước của bức bình phong là hình ảnh chúa sơn lâm vừa hung tợn vừa uy nghi trong tư thế vồ mồi, cùng hòa vào trong khung cảnh núi non trùng trùng điệp điệp. Hình tượng con hổ được đắp nổi bằng xi măng, quét sơn màu vàng và có các vằn đỏ trên thân. Với những đặc tính của con hổ, người xưa đã chọn hình ảnh con hổ trong việc xây dựng bức bình phong nhằm trấn giữ cõi đất thiêng liêng đang thờ phụng những bậc hiền tài có công với đất nước. Đằng sau sự hung tợn của chúa tể sơn lâm là linh vật rất đặc biệt chỉ có trong truyền thuyết - long mã. Long mã có đầu rồng và thân ngựa; sừng và bờm của rồng, thân có vẩy của kỳ lân, chân và móng của ngựa; đang trong tư thế bay lượn giữa bầu trời, đầu quay nhìn về phía sau thân mình. Ngoài ra, long mã còn đang chở trên lưng là Lạc thư và dưới là Hà đồ. Hà đồ và Lạc thư đều là những hình vẽ

thần bí có từ đời Thương cổ của Trung Quốc truyền tới ngày nay. Hình tượng long mã lại có phần đặc sắc hơn bởi nghệ thuật khảm sành sứ. Long mã được đắp nổi và khảm ghép các mảnh sành sứ lại với nhau bởi một hỗn hợp kết dính đặc biệt. Bằng sự tài hoa và bàn tay khéo léo, những nghệ nhân đã đắp thành hình tượng long mã uy nghi, hài hòa trong màu sắc. Long mã là linh vật báo hiệu điều tốt lành, là biểu tượng của sự thông thái, trường thọ, sự nguy nga đường bệ, hạnh phúc vô song. Phía trên long mã là hình ảnh biểu tượng cho dương và nguyệt, được khảm bằng một đĩa sành; thể hiện cho sự hòa hợp âm dương. Ngoài ra, họa tiết mây được khảm sành sứ trên bức bình phong còn tượng trưng cho dấu hiệu tốt lành, hạnh phúc. Hơn nữa, mây gắn liền với mưa, tạo nên khả năng tồn tại và sinh trưởng của cây trồng trong đời sống cư dân nông nghiệp. Do vậy, hình tượng mây chính là ước vọng mùa màng tươi tốt của ông cha ta.

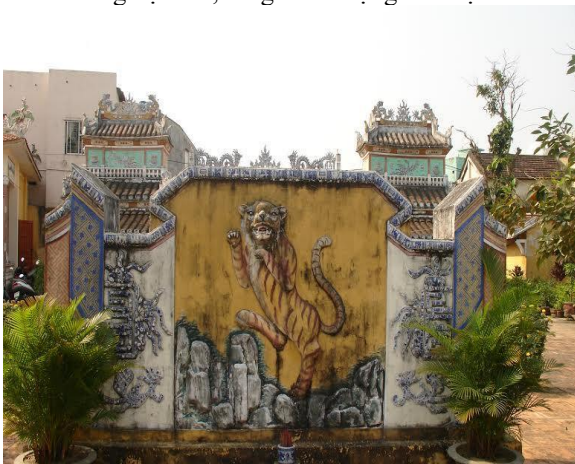
Hai bên bức bình phong là cặp họa tiết đối xứng nhau, mỗi bên là một nửa chữ Thọ được khảm sành sứ tỉ mỉ, có hình dạng vuông cùng với các họa tiết hoa và lá cách điệu ở xung quanh. Vì đây là một chiếc thư đang mở nên khi đóng lại thì hai nửa chữ Thọ sẽ được ghép lại thành một chữ Thọ hoàn chỉnh. Thời xưa, chữ Thọ xuất hiện nhiều trong kiến trúc như cung điện, tư gia của các bậc vương giả và cả nhà của thường dân; nó được xem là biểu tượng của sự trường thọ, giúp tăng cường năng lượng cho ngôi nhà và bảo vệ người sống trong ngôi nhà. Mặt khác, theo Kinh thi, ban đầu chữ Thọ là lời chúc tụng cho sự nghiệp của vua chúa, về sau là lời chúc dành cho tất cả mọi người. Do vậy, hình tượng chữ Thọ trên bức bình phong ở đình làng Thạc Gián thể hiện mong muốn một cuộc sống hạnh phúc, thanh thản và đủ đầy sức khỏe. Ở phía ngoài cùng là các họa tiết hình chữ Vạn (卐), biểu tượng cho sự may mắn. Theo Phật giáo, chữ Vạn tượng trưng cho phúc lộc, an khang, thành công, thịnh vượng và còn biểu thị cho công đức vô lượng của Phật. Chữ Vạn đã từng xuất hiện lần đầu vào khoảng từ 16.000 đến 14.000 năm trước Công nguyên và được lấy ý tưởng từ sự quan sát vũ trụ, hệ mặt trời; nó thể hiện nơi phát sinh ra nguồn sống vô tận và sự vĩnh hằng. Ngoài ra, sành sứ còn được khảm viên trang trí xung quanh bức bình phong một cách cẩn thận, tỉ mỉ.

Nói về kích thước, theo quy định về thước tắc của người xưa, diện tích của bức bình phong (xét về bình phong ngoại án với chất liệu gạch, đá) phải luôn lớn hơn so với diện tích cửa giữa của đình và theo tỉ lệ lớn gấp rưỡi trở lên để hai cái không có sự đối nghịch với nhau, tạo nên sự hài hòa trong kiến trúc. Do vậy, bức bình phong ở đình làng Thạc Gián có chiều cao là 1,75m và bề ngang rộng 3,9m; trong khi chiều cao và bề ngang của cửa giữa lần lượt là 1,835m và 2,29m; tức là diện tích bức bình phong gấp khoảng 1,62 lần so với diện tích cửa giữa.

Còn xét về vị trí, giống như hầu hết các đình làng khác, bức bình phong ở đình làng Thạc Gián cũng được đặt theo nguyên tắc đơn tuyến, ngoài cùng là nghi môn (cổng ngõ) rồi tiếp đến là bình phong án ngữ, đi qua một khoảng sân rộng rồi mới đến công trình chính của đình làng. Tuy nhiên, vào năm 2009, phía trước bình phong còn được xây dựng thêm hồ bán nguyệt nhằm mục đích lưu giữ lại một hồ lớn ngay phía trước đình làng. Xưa kia sân đình tiếp giáp với một bầu làng rộng 10 đến 12 hecta, nhưng sau này bầu làng bị quy

hoạch để xây dựng khu dân cư; vậy nên dân làng đã xây dựng hồ bán nguyệt biểu tượng cho bầu làng cũ cùng với mong ước thịnh vượng, phát triển và biểu tượng cho tình yêu đôi lứa. Mặt khác, theo phong thủy, "... khoảng cách đặt bình phong cũng khá linh động nhưng đều căn cứ vào kích thước công trình. Phần lớn các thầy địa lý cho rằng khoảng cách từ bức bình phong đến công trình (phong thủy gọi là tiểu minh đường) thường lấy tương đương với kích thước bề ngang của công trình, được xem là hợp lý" [7, tr. 82]. Trong khi bề ngang của đình làng Thạc Gián là 14,2m và khoảng cách từ bình phong đến công trình là khoảng 18m, được coi là không quá xa so với công trình chính của đình làng và là khoảng cách phù hợp đủ để che chắn cho ngôi đình, đáp ứng yêu cầu của phong thủy và mang tính thẩm mỹ.

Tóm lại, kích thước và vị trí đặt bức bình phong đều dựa theo một quy tắc chuẩn mực để làm sao bức bình phong được phù hợp với ngôi đình và mang tính thẩm mỹ cao. Hơn nữa, các họa tiết trên bức bình phong được trang trí rất cẩn thận, tỉ mỉ đã làm nên sự đặc sắc và hài hòa cho bức bình phong, cùng với đó là các ý nghĩa sâu xa được gửi gắm trên từng họa tiết, từng hình tượng linh vật.



Hình 1. Mặt trước của bức bình phong (Nguồn: Tác giả)



Hình 2. Mặt sau của bức bình phong (Nguồn: Tác giả)

3.2. Vai trò của bức bình phong đối với đình làng Thạc Gián

Trong các làng xã Việt Nam, đình là một kiến trúc có quy mô to nhất và theo quan niệm của người xưa, có tầm quan trọng ảnh hưởng tới sự thịnh vượng và sức khỏe của tất cả dân làng. Do vậy, dựng đình là việc chung của cả

làng và một việc tối quan trọng khi dựng đình là chọn hướng đình. Hướng đình đóng vai trò rất quan trọng, chẳng những ảnh hưởng đến sự thịnh vượng về cuộc sống mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người ở trong đình cũng như dân chúng sống trong làng. Ca dao cũ có câu: "Toét mắt là tại hướng đình. Cả làng cùng toét riêng mình em đâu". Vào thế kỷ XVI và XVII, người ta thường gặp những ngôi đình quay về hướng Nam hoặc một số quay về hướng Tây và là hai hướng rất được ưa chuộng. Tuy nhiên, đình Thạc Gián lại hướng về phía Bắc. Theo như khí hậu của Việt Nam thì đây là hướng giá rét vào mùa đông và nóng về hè. Hơn nữa, về mặt tín ngưỡng thì đây là hướng mang nhiều sự hắc ám, ít nhiều gắn với quỷ dữ. Vì thế, kiến trúc của người Việt ít quay về hướng này. Theo Giáo sư Trần Lâm Biền nhận xét trong cuốn sách *"Đình làng Việt (Châu thổ Bắc Bộ)"* thì *"vẫn có những ngôi chùa hoặc một di tích nào đó được chủ động nhìn về hướng Bắc. Về cơ bản, những di tích này ít gắn với thế gian mà thường liên quan đến các kiếp đời đã qua, như một số chùa ở nghĩa trang để cầu siêu độ cho những linh hồn ở thế giới bên dưới"* [3]. Trái lại, đình làng Thạc Gián hướng nhìn về phía Bắc bởi vì đình làng được tạo lập bởi đoàn người từ Bắc vào khai canh, lập nghiệp vào giai đoạn khởi thủy của vùng đất Chiêm Thành chuyển giao cho đất nước Đại Việt. Các bậc tiền nhân lần đầu tiên vào đây nên chưa có định hướng về phong thủy hay hướng gió ở đây như thế nào mà chỉ xây dựng đình với mục đích là đem các phong tục, đạo lý từ cội nguồn phương Bắc vào phương Nam. Do vậy, đình làng chủ động hướng nhìn về phía Bắc là để ngưỡng vọng về quê cha đất tổ ở phương Bắc, là để nhớ ơn, tri ân những người có công với đất nước bằng tất cả lòng thành của người dân nơi đây. Cũng chính bởi ngôi đình không theo phương hướng của lối kiến trúc truyền thống nên ông cha ta đã có những biện pháp để khắc phục nhằm hài hòa âm dương, đem lại sự yên bình cho ngôi đình. Họ đã xây dựng hồ bán nguyệt trước sân đình, tiếp đến là bức bình phong với hình ảnh chúa sơn lâm oai vệ để đảm bảo cân bằng âm dương và giúp ngôi đình cũng như người dân sống trong làng tránh được những yếu tố xấu trong cuộc sống, hướng cuộc sống bình yên, thanh thản, hạnh phúc. Mặt khác, theo thuyết Ngũ hành, phía trước công trình kiến trúc thuộc hành Hỏa còn chủ nhân lại thuộc hành Kim, theo nguyên lý Ngũ hành tương khắc thì Hỏa khắc Kim, Hỏa quá vượng dễ gây tổn hại cho gia chủ. Vậy nên, "... cần phải có bức bình phong án ngữ phía trước nhằm cản bớt Hỏa khí, đem lại sự bình yên cho người ở bên trong đình" [1, tr. 44]. Hơn nữa, cũng như các bức bình phong khác, bình phong ở đình làng Thạc Gián còn có công dụng là ngăn cản các luồng khí độc, khí xấu, tà khí xâm nhập vào chốn linh thiêng. Do vậy, bức bình phong đóng một vai trò không thể thiếu trong tổng thể kiến trúc đình làng Thạc Gián.

3.3. Triết lý âm dương thể hiện trong bức bình phong ở đình làng Thạc Gián

Nói về triết lý âm dương, hai thái cực âm và dương đã trở thành cái hồn, cái thiêng trong đời sống văn hóa Việt. Đặc biệt trong thời xưa, triết lý âm dương này dường như đã thấm nhuần trong tư tưởng của người Việt. Con người biết vận dụng triết lý âm dương trong nhiều khía cạnh và điều chỉnh hai thái cực âm dương ở trạng thái cân bằng, hài

hòa trong trời đất. Di tích lịch sử văn hóa đình làng Thạc Gián là một trong những công trình kiến trúc truyền thống biểu hiện đậm nét triết lý âm dương. Triết lý âm dương góp phần tăng tính bền vững cho ngôi đình và qua đó thể hiện những giá trị, phẩm chất tốt đẹp của con người. Triết lý âm dương được thể hiện rõ trong kiến trúc ngôi đình với các chi tiết: công tam quan, lối kết cấu rường chông ở phần mái và bức bình phong.

Trong đó, hình tượng long mã trên bức bình phong là điểm biểu hiện rõ nét của triết lý âm dương. Long mã là sự kết hợp giữa thân mình là mã (nghĩa là ngựa) - loài vật sống trên mặt đất, biểu tượng cho tính âm với phần đầu là rồng - loài vật trong truyền thuyết sống trên trời, biểu tượng cho tính dương. Rồng thường ở trên cao, khi ẩn khi hiện trong mây, vùng vẫy khắp không gian, biểu trưng cho những gì có tính chất cao thượng, mạnh mẽ, linh hoạt, thuộc tiên thiên (nghĩa là *tung*) tượng trưng cho kinh tuyến, thời gian. Còn mã tuy không thuộc linh vật, nhưng là con vật rất hữu dụng trong nhân gian, di chuyển nhanh trên mặt đất theo đường thẳng ngang, có thể chở nặng, có sức bền bỉ, có nghĩa khí, thuộc hậu thiên (nghĩa là *hoành*) tượng trưng cho vĩ tuyến, không gian. Như vậy, hình tượng long mã tượng trưng cho sự tung hoành của nam nhi, cho thời gian và không gian, hình ảnh long mã chạy là biểu hiện cho sự vận động của vũ trụ, đồng thời tượng trưng cho thánh nhân. Do vậy, có thể nói “Long mã mang đầy đủ các yếu tố Âm Dương, Vũ trụ, sự kết hợp của Tiên thiên và Hậu thiên” [10]. Hơn nữa, có điều đặc biệt là đầu rồng ngoái nhìn về phía sau thay vì hướng tới trước thể hiện sự quan tâm, nâng đỡ phía trước dành cho phía sau. Giống như sự quan tâm, lo lắng, chia sẻ của người chồng dành cho người vợ của mình. Từ đó, sự kết hợp hài hòa âm dương trong một con vật không có thật đã tạo nên nét đẹp văn hóa Việt Nam nói chung và triết lý sống của người Việt nói riêng. Kết hợp với long mã là hình ảnh tượng trưng cho dương và nguyệt đã càng phản ánh rõ tính âm dương, là biểu tượng đẹp cho sự yên ấm, hạnh phúc giữa đất trời. Cuộc sống chỉ hạnh phúc, bình yên khi hai thái cực âm dương hài hòa nhau, hài hòa giữa dương và nguyệt, hài hòa với đất trời. Bên cạnh đó, thông qua hình ảnh long mã, ông cha ta muốn nhắn nhủ với người đời rằng, để có cuộc sống ấm no, hòa thuận, yên bình như rồng và ngựa hòa nhập trong một thực thể long mã kia thì ắt phải có những đấu tranh, những hi sinh âm thầm của bậc cha ông, bậc anh hùng đã xả thân mình vì cuộc sống hòa bình cho muôn thế hệ đời sau.

Như vậy, bức bình phong, thoát nhìn chẳng có gì quan trọng trong tổng thể kiến trúc của ngôi đình nhưng ý nghĩa sâu xa của nó lại mang tầm quan trọng đặc biệt. Bức bình phong của đình làng Thạc Gián đã biểu hiện rõ sự kết hợp hài hòa giữa hai thái cực âm và dương. Nếu mặt trước bình phong là hình ảnh chúa sơn lâm thì mặt sau là hình ảnh long mã hòa quyện giữa đất trời. Một lần nữa, hình ảnh long mã lại phảng phất trong tâm thức người đời sự hòa hợp giữa âm và dương, rằng âm chẳng thể thiếu dương, và ngược lại. Do đó, để vững bền, “...một thực thể chẳng thể nào toàn vẹn nếu thiếu đi âm hoặc dương” [5]. Qua đó, có thể thấy rằng từ xa xưa, triết lý âm dương đã thấm nhuần trong tư tưởng, tư duy của người Việt Nam ta. Tóm lại, thông qua hình tượng long mã với ý nghĩa hòa hợp âm

dương, ông cha ta đã gửi gắm ước vọng một cuộc sống hạnh phúc, yên ấm, phát triển và bền vững.

3.4. Giá trị cơ bản của bức bình phong ở đình làng Thạc Gián

3.4.1. Bức bình phong mang dấu ấn lịch sử

Trong kiến trúc xưa, ngoài những công năng, ý nghĩa mà bức bình phong mang lại thì mỗi bức bình phong đều mang đậm dấu ấn lịch sử đối với một công trình kiến trúc, thể hiện quá trình phát triển của bình phong nói chung và hơn nữa gọi nhắc đến một giai đoạn lịch sử nước nhà. Bức bình phong ở đình làng Thạc Gián cũng vậy, đã ghi dấu lại thời kì lịch sử của đình làng Thạc Gián và là dấu ấn trong lòng mỗi người dân nơi đây. Đình làng Thạc Gián ban đầu được xây dựng chỉ bằng các vật liệu đơn giản như tranh, tre, nứa nên bình phong lúc ấy chưa được tạo dựng và mãi đến đời vua Minh Mạng (1820 - 1840) thì đình được xây dựng lại bằng gạch, gỗ và bình phong được cho rằng tạo dựng vào lúc ấy. Tuy nhiên, để có được bức bình phong như ngày hôm nay, bao lớp thế hệ cha ông đã đồng lòng khai cư, khai canh, lập nghiệp mà nên. Do vậy, bức bình phong đã ghi dấu ấn trong lòng của bao lớp thế hệ người dân nơi đây rằng phải luôn nhớ về công lao của bậc cha ông đã có công khai khẩn đất hoang tạo dựng nên làng Thạc Gián. Cùng với đó là sự hình thành nên các sinh hoạt văn hóa đa dạng, các phong tục, tập quán đẹp, thuần hậu, tích cực mà còn được lưu truyền mãi cho đến ngày hôm nay. Trong quá khứ, đình là nơi tổ chức và duy trì nhiều lễ hội truyền thống như lễ tế Xuân Thu nhị kỳ, lễ hội vào tiết Thanh Minh,... Ngoài ra, theo nguồn tư liệu Hán Nôm còn lại hiện nay ở địa phương còn cho biết một cách rõ ràng rằng mảnh đất này đã đào tạo nên nhiều nhân tài cho đất nước. Từ giữa thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX, ở Thạc Gián có nhiều người có thực tài, được các vua chúa Nguyễn bổ dụng và ban cho các chức phẩm, trong đó có nhiều vị có chức tước cao như Chánh Ngự y Viện Thái y Kế Đức Hầu Nguyễn Kim Châu (1707 - 1785), Hiệp trấn Thái Nguyên Chương Ngọc Hầu Nguyễn Kim Phương (1771 - 1821). Bức bình phong đã “... trường tồn cùng với cuộc sống của bao lớp thế hệ dân làng nơi đây từ thuở dân làng mới an cư lạc nghiệp đến nay, cùng trải qua các dấu mốc quan trọng của ngôi đình như: ngày 01 tháng 04 năm Ất Hợi (03/5/1935), đình làng được triều đình Huế ban tặng sắc phong; nhận sắc phong của vua Bảo Đại thứ 10 (1935), ... và là niềm vinh dự lớn lao của dân làng” [6, tr. 59 – 64]. Tóm lại, bức bình phong chính là dấu ấn của giai đoạn mà đình làng Thạc Gián được xây dựng lại bằng các chất liệu gạch, gỗ trang khang hơn, đẹp hơn dưới thời vua Minh Mạng và đánh dấu sự phát triển của làng Thạc Gián. Hơn nữa, bức bình phong còn đóng vai trò như một di vật của ông bà xưa để lại, nhắc nhở các thế hệ con cháu đời sau phải luôn ghi nhớ công ơn của người đi trước; cùng với ước vọng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, bình ổn cho các thế hệ dân làng nơi đây.

Mặt khác, bức bình phong ở đình làng Thạc Gián còn cho thấy sự tồn tại và đánh dấu sự phát triển của bức bình phong qua từng thời kỳ, từng vùng miền của đất nước. Thuở ban đầu, từ những tấm bình phong dưới dạng tấm phên chắn ở hiên nhà bằng chất liệu tre, nứa đan với tên gọi “dại” hoặc “giại” tùy vào từng vùng miền, về sau phát triển

nên nhiều thể loại như bình phong gỗ khảm xà cừ, bình phong gạch đá, đến các loại bình phong hiện đại như ngày nay: bình phong làm từ chất liệu sợi, bình phong gương đa năng,... Bức bình phong của đình làng Thạc Gián thuộc giai đoạn của sự sáng tạo nên bức bình phong bằng gạch đá là minh chứng cho quá trình phát triển của bức bình phong.

Tóm lại, bức bình phong ở đình làng Thạc Gián gợi nhắc ta về một thời kì hưng thịnh của đất nước, là dấu ấn của sự phát triển làng Thạc Gián nói chung và đình làng Thạc Gián nói riêng; cùng với đó là lịch sử phát triển của bức bình phong nói chung ở Việt Nam ta.

3.4.2. Bức bình phong mang giá trị nghệ thuật cao

Ngoài chức năng phong thủy, bức bình phong còn được coi là những tác phẩm mang giá trị nghệ thuật cao. Đặc biệt là các bức bình phong bằng gạch đá, thường được trang trí rất công phu, tỉ mỉ bằng cách chạm trổ, ghép sành sứ với các biểu tượng và mô típ đa dạng như: phúc, lộc, thọ, hỷ hay các linh vật long, lân, quy phụng, long mã,... Riêng bức bình phong ở đình làng Thạc Gián với hình tượng long mã đã được chính nghệ thuật khảm sành sứ này làm nên giá trị mỹ thuật của nó.

Nói về nghệ thuật khảm sành sứ, theo một số nhà nghiên cứu thì nghệ thuật này đã bắt đầu hình thành vào khoảng thời nhà Lý (thế kỷ XI - XII) nhưng có lẽ phải đến tận nhà Nguyễn (thế kỷ XVII) mới được xem là thời kì mạnh nhà phát triển của nghệ thuật khảm sành sứ. Ban đầu vốn là nghệ thuật dân gian, sau đó trải qua thăng trầm của lịch sử, nghệ thuật khảm sành sứ đã được nhiều người biết đến và trở thành nghệ thuật trong cung đình. Ngay từ ban đầu những nghệ nhân đã rất sáng tạo bằng cách ghép các mảnh sành sứ hay mảnh gốm vỡ để tạo thành sản phẩm trang trí. Dần dần nghệ thuật này được ứng dụng vào trang trí cho đền đài, miếu mạo các đời chúa Nguyễn. Bên cạnh đó, trong sách *"Phủ Biên Tạp Lục"*, Lê Quý Đôn cũng đã mô tả Phú Xuân vào đầu thế kỷ XVIII và cho biết nghệ thuật khảm sành sứ đã được sử dụng trong cung đình như sau: *"Vườn sau thì núi giả đá quý, ao vuông hồ quanh, cầu vòng thủy tạ, tường trong tường ngoài đều xây dày mấy thước, lấy vôi và mảnh sứ đắp thành hình rồng phượng, lân hổ, cỏ hoa"* [6, tr. 145-146].

Bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX được xem là giai đoạn phát triển rộng rãi và lên đến đỉnh cao của nghệ thuật khảm sành sứ. Hầu như các kiến trúc của thời này đều được khảm sành sứ và được xem là nghệ thuật kiến trúc đặc sắc. Hơn nữa, nghệ thuật khảm sành sứ còn được đánh giá rất cao. Nghệ thuật trang trí này còn được dùng trang trí ở cổng chùa hoặc đình làng, nóc mái, cửa sổ, đặc biệt là bình phong. Để làm nên được hình tượng Long, Ly/Lân, Quy, Phụng/phượng, hay Long mã trên các bức bình phong, các nghệ nhân đã sử dụng mảnh sành sứ, chén, cắt tía theo hình dáng và màu sắc, sau này có thêm những vật liệu khác như thủy tinh màu, thủy tinh trong suốt, ốp trên bề mặt. Từ những chất liệu đơn giản, dân dã, bình dị nhưng vẫn tạo nên nét cao sang, lộng lẫy.

Mặt khác, ở mỗi địa điểm hay khu vực khác nhau sẽ có nghệ thuật trang trí khác nhau. Ở các đình chùa thì hoa văn họa tiết thường sẽ đơn giản, còn ở cung đình thì cầu kỳ hơn với chất men có độ bóng, độ bền cao. Các loại vật liệu khảm sành sứ được lựa chọn khá kỹ lưỡng từ các mảnh vỡ của

những loại gốm cổ và có niên đại xa xưa. Vì vậy, nguồn nguyên liệu cho các nghệ nhân khảm sành sứ luôn khan hiếm. Tuy nhiên, nguồn gốm cổ đó từ đâu mà có? Như tất cả đều biết, Huế là nơi đóng đô của vương triều Nguyễn trong 140 năm (từ 1805 đến 1945). Trong suốt thời kỳ này và cả trước đó, Huế là nơi giao thương buôn bán rất sầm uất với các nước láng giềng. Hàng ngày, lượng tàu thuyền đi lại cập bến ở sông Hương nhiều vô kể. Chính vì vậy mà dưới lòng sông Hương đã lưu giữ một lớp trầm tích văn hóa vô cùng phong phú mà ít ai biết đến chính là những mảnh sành sứ, mảnh gốm có khi cả nghìn năm tuổi. Các nhà nghiên cứu cho rằng "Nhờ lượng lớn gốm sứ này mà nghệ thuật trong cung điện, lăng tẩm, đền đài, nơi thờ cúng ở Huế đã trở thành nét văn hóa không thể thiếu ở cố đô Huế" [11].

Công việc khó và cầu kì nhất chính là khảm ghép các mảnh sành sứ lại với nhau, do vậy bằng con mắt thẩm mỹ, trí óc và bàn tay khéo léo của nghệ nhân mới có thể thổi hồn vào các mảnh sứ. Tùy từng chất liệu mà nghệ nhân có thể sắp đồng chất hoặc đối liệu về chất theo màu men, chất men, và cường độ tiếp sáng để tạo nên một họa tiết hài hòa về màu sắc. Các màu đỏ tía, đỏ cánh sen hồng thuộc gam màu nóng, chủ đạo trong các bức tranh; màu đen chỉ sử dụng cho một số họa tiết nhất định như khảm mắt rồng, mắt phượng; còn màu xanh phổ biến là xanh lục, xanh lam, xanh tím.

Ngoài ra, để các vật liệu bám chắc thì cần dùng chất kết dính làm từ hào trộn với vôi, cùng với mật mía đường, những phụ gia kết nhuyển (giấy dó, nhựa bông cần, dây tơ hồng); tạo thành một hợp chất vừa quánh dẻo vừa bền chắc, chịu được nắng mưa lâu dài. Tỉ lệ thành phần nguyên liệu của loại hợp chất đặc biệt này tùy thuộc vào chất lượng và loại chất liệu sử dụng, tuy nhiên vôi là thành phần chính, vì vậy mà việc làm vôi, lọc vôi là công thức bí truyền của các phường, thợ. Bên cạnh đó, kỹ thuật cắt gọt cũng cầu kỳ, người thợ phải cắt tía sao để các mảnh sành sứ gắn lên khít nhau, không bị lộ mạch vữa; vậy nên công đoạn này thường được giao cho những nghệ nhân có tay nghề cao.

Qua đây, ta có thể thấy được để làm nên hình tượng long mã hài hòa, sinh động như trên bức bình phong ở đình làng Thạc Gián là không hề dễ dàng. Nó đòi hỏi sự công phu, tỉ mỉ, cùng với sự tài hoa, óc sáng tạo của những nghệ nhân xưa, đã biến những vật liệu thô cứng bỗng trở nên thanh nhã, mềm mại, sang trọng và lung linh kỳ ảo. Cũng chính nhờ vậy mới làm nên được bức bình phong vừa mang giá trị nghệ thuật cao vừa bền chắc suốt gần 200 năm. Ngoài ra, nghệ thuật khảm sành sứ còn được áp dụng để trang trí cho các chi tiết như chữ thọ, vân mây, sóng nước, hoa lá cách điệu và được khảm viền xung quanh bức bình phong.

3.4.3. Bức bình phong mang ý nghĩa tâm linh

Tại các đình làng, các am miếu dân gian, đề tài trang trí trên các bức bình phong ngoại án rất đa dạng, phong phú, chứa đựng những ý nghĩa về tâm linh, ước nguyện của con người. Riêng bức bình phong ở đình làng Thạc Gián với mặt trước là hình ảnh một con hổ đang trong tư thế vồ mồi và mặt sau là hình tượng của con vật có trong truyền thuyết - long mã. Hai biểu tượng con vật này được trang trí rất phổ biến trên các bức bình phong. Thứ nhất, người ta chuộng dùng hình tượng chúa sơn lâm trên bình phong bởi con vật này tượng trưng cho sự hùng cường và sức mạnh vô song. Hình ảnh con hổ dường như đã ăn sâu vào trong đời sống

của người dân Việt. Những đặc tính của con hổ được ví với những gì cho là tốt, mạnh mẽ trong đời sống thường ngày như: “ăn như hổ”, “hùng hùng hổ hổ”, “rồng cuộn, hổ ngồi”, “chơi với vua như chơi với hổ”,... Trong 12 con giáp thì hổ là loài vật hội tụ các đặc chất: dũng mãnh, can trường, hiên ngang, dám tấn công cả những con thú to khỏe hơn nó. Cũng chính nhờ những đặc chất ấy mà hổ được đưa vào cả văn hóa và nghệ thuật. Hình tượng con hổ có mặt trên các phù điêu bằng gỗ, đá, đồng, ở các đền đài, lăng miếu, trong dòng tranh Đông Hồ và Hàng Trống từ xa xưa. Nổi tiếng là bức tranh “Ngũ hổ”, còn được gọi là tranh “Ông Năm dinh”, tượng trưng cho năm vị thần tướng ngự trị năm phương trời. Bên cạnh đó, trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam, hổ (cọp) là con vật được tôn thờ từ lâu, tên của nó được thần hóa và được gọi là “Ngải”, “Ông Ba Mươi”. Ở nước ta, trước kia các cụ còn không dám kêu đích danh con hổ mà chỉ dám gọi chệch đi: “ông kễnh”, “ông hùm” vì sợ “ngải” giận. Hầu hết các ngôi đình đền nào cũng có đắp tượng hổ ở cửa vào, coi như “thần tướng gác đền” và thần tướng này cũng được khách đi lễ thắp hương, khấn vái. Người dân đã thần thánh hóa hổ, cho nó một sức mạnh thiêng liêng diệt trừ được ma quỷ. Có hình hổ trấn giữ ở ngưỡng cửa là tà ma không dám xâm nhập. Mặt khác, trong quan niệm của người phương Đông còn cho rằng hổ thuộc sứ giả của nhà trời xuống hạ giới ban phúc cho người lành, giáng họa cho kẻ ác, hướng con người đi đến chân, thiện, mỹ. Vậy nên, từ xa xưa nước ta đã hình thành tín ngưỡng thờ cúng thần Hổ. Thần Hổ được thờ trong các đình, đền, điện, chùa, nhà ở. Điển hình như tục thờ hổ trong đền Bà Chúa hay còn gọi là miếu Ông Hổ, đình Tân Lập Phú, đền Trần Hưng Đạo,... ở Bình Phước. Cũng theo nhận xét của Giáo sư Trần Lâm Biền: *“Bình phong đặt ở trong hay ngoài nghi môn lệ thuộc vào sự tích của thần. Mặt ngoài phải của bình phong phải có hổ (phía Nam là long mã) với khả năng trừ tà, sát quỷ, giữ yên cõi thiêng”* [3, tr. 65]. Do vậy, cũng không lạ gì khi hình tượng hổ lại xuất hiện trên bức bình phong ở đình làng Thạc Gián. Hình tượng hổ trên bức bình phong thể hiện sự mạnh mẽ, uy nghiêm, giữ vai trò trấn giữ, che chắn, bảo hộ cho ngôi đình tránh những điều xấu. Bất cứ ai bước vào nơi linh thiêng này với tâm đồ xấu xa thì sẽ cảm thấy sợ hãi trước hình tượng hung tợn và quyền uy của chúa sơn lâm.

Mặt khác, ông cha ta chọn hình tượng long mã để trang trí mặt trong của bức bình phong ở đình làng Thạc Gián cũng xuất phát từ văn hóa tâm linh của người Việt Nam và đây cũng là hình tượng phổ biến trên các bức bình phong. Thực chất, long mã là sự hóa thân của kỳ lân, là sự kết hợp giữa rồng, lân và ngựa; là linh vật có sừng và bờm của rồng, mình của con hươu xạ với chiếc đuôi bò, trán sói, thân có vẩy của kỳ lân, chân và móng của ngựa. Nhưng dù xuất hiện dưới bất kỳ hình dạng gì thì trong trí tưởng tượng của tín ngưỡng dân gian phương Đông, kỳ lân cũng là con vật báo hiệu điều tốt lành, biểu tượng cho sự trường thọ, nguy nga đường bệ và sự hạnh phúc lớn lao. Kỳ lân mang trong mình tất cả đặc tính của một con vật hiền lành, nhân từ, nó tránh giẫm lên các loại côn trùng, không phá hoại cỏ mềm dưới chân, không ăn thịt cũng như làm hại bất kỳ con vật nào. Do vậy, long mã cũng được xem là con vật linh thiêng để tôn thờ. Theo truyền thuyết Trung Hoa, long mã đã từng xuất hiện dưới thời Phục Hy, trên sông Hoàng Hà, mình

màu xanh, vẩy đỏ, trên lưng có mang bức đồ gồm 55 đốm cùng với một cây bửu kiếm. Vua Phục Hy đã vẽ lại các đốm ấy tạo nên bức đồ, đặt lên là Hà đồ, là sách trời ban cho vua trị nước. Sau này, Hà đồ còn trở thành nền tảng cho nhà vua vẽ nên bát quái đồ, cơ sở của thuyết âm dương. Ngoài ra, long mã còn là linh vật của Phật giáo bởi vì nó thường cõng trên lưng Luật tạng, một trong ba phần cốt lõi của kinh sách nhà Phật. Bên cạnh đó, theo nhà nghiên cứu Trần Đại Vinh, từ lâu Nho giáo đã xem hình tượng long mã như biểu tượng của ước vọng thái bình, an cư lạc nghiệp, phát triển. Do vậy, tại các đình chùa, điện thờ, miếu mạo, long mã thường được khắc họa hay đúc tượng trên các vật thể như bình phong, hoành phi để vừa trang trí chốn tôn nghiêm, vừa có công dụng phong thủy trừ tà, khử trừ, cũng vừa cầu mong sự thái bình. Đặc biệt, hình tượng long mã đã trở thành đề tài trang trí phổ biến ở Huế và nhiều nhất vẫn là trên các bức bình phong. Trong đó, nổi tiếng nhất là bức bình phong long mã tại Trường Quốc học Huế, được xây dựng vào đời vua Thành Thái năm 1896. Ngoài ra, long mã còn được trang trí cho một số đồ dùng bằng bạc, gỗ, đồ sứ và trang phục của một số quan lại triều Nguyễn. Tóm lại, từ xa xưa long mã đã được xem là con vật linh thiêng, đem lại sự may mắn, điều tốt đẹp, hạnh phúc và lạc nghiệp cho con người, vừa có công dụng phong thủy, ngăn chặn khí xấu và các yếu tố bất lợi cho gia chủ. Vậy nên ông cha ta đã chọn hình tượng long mã để trang trí cho bức bình phong ở đình làng Thạc Gián với ước vọng cuộc sống thanh bình và yên ả.

Mặt khác, đặt bức bình phong ngay trước đình làng còn thể hiện sự kính ngưỡng tuyệt đối của con người với thế giới thần linh bên trong ngôi đình. Không chỉ riêng đình làng Thạc Gián mà hầu hết các đình làng khác đều có nghi môn (cổng ngõ) ngoài cùng rồi tiếp đến là bình phong án ngữ, đi qua một khoảng sân rộng rồi mới đến công trình chính của đình làng. Tất cả đều nằm trên trục đường tạo thành một chiều sâu không gian và tăng thêm sự uy nghiêm của chốn linh thiêng. Nhà nghiên cứu Hồ Tấn Tuấn đã có một nhận xét khá độc đáo về bức bình phong trong các ngôi đình ở Đà Nẵng: *“Sự xuất hiện của tấm bình phong ở vị trí này đã thể hiện sự kính ngưỡng tuyệt đối của người trần đối với thế giới thần linh. Bởi lẽ, bước vào đây người ta buộc phải rẽ sang hai bên mà không thể bước tiếp nếu muốn vào chính điện. Mặt khác, đứng ở ngoài không ai có thể nhìn thấu xuyên suốt vào điện thờ trong đình do sự che khuất của tấm bình phong”* [9]. Bức bình phong dường như đóng vai trò là vách ngăn giữa thế giới thần linh bên trong với thế giới người trần bên ngoài.

4. Giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa ở đình làng Thạc Gián nói chung, bức bình phong nói riêng

Nói về riêng bức bình phong, trải qua thời gian, bức bình phong rơi vào tình trạng xuống cấp, các lớp vôi vữa bị bong tróc lộ ra các lớp gạch, khiến cho các mảnh sành sứ được khảm trên bức bình phong cũng bị bong tróc và rơi rớt. Do đó, cùng với đình làng, bức bình phong được tôn tạo lại vào năm 2009 với tổng kinh phí hơn 4 tỷ đồng cho cả dự án trùng tu đình làng Thạc Gián. Theo như người quản đình là chú Nguyễn Ngọc Mạnh cho biết năm 2009 đã mời các nghệ nhân từ xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đến trùng tu lại bức bình phong. Bức bình phong được phục dựng

lại từng hoa văn, hình dáng dựa trên cái nền tảng của bức bình phong cũ. Tuy nhiên đáng tiếc thay, vì trải qua thời gian rất lâu nên các mảnh sành sứ có niên đại từ xa xưa bị bong tróc nên phải thay mới gần như toàn bộ. Sau khi được tôn tạo, bức bình phong đã lấy lại vẻ đẹp vốn có của mình và còn nguyên vẹn đến nay. Còn về đình làng Thạc Gián, hiện nay đình làng rộng hơn 2.000 m², nằm lọt thỏm giữa khu dân cư đông đúc trong một con hẻm nhỏ và đến năm 2016 thì có dấu hiệu xuống cấp kể từ sau đợt trùng tu, trong khi chưa phát huy hết được giá trị vốn có. Do vậy, kế hoạch trùng tu nhỏ cho di tích đã được thực hiện vào năm 2016 và đồng thời ông Hồ Tấn Tuấn – Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng, nhiều lần khuyến nghị chính quyền địa phương, dân làng cần có ý thức trong việc giữ gìn di tích đình làng và các cấp, ngành liên quan nên đưa đình làng Thạc Gián thành điểm tham quan du lịch, bởi như thế mới phát huy hết vẻ đẹp văn hóa đình làng. Mặt khác, đình làng Thạc Gián còn tổ chức lễ hội cứ hai năm một lần nhằm ngày mùng 10 tháng 3 Âm lịch để tưởng nhớ ông bà tổ tiên, tri ân các bậc tiền hiền đã có công khai khẩn lập nên làng Thạc Gián. Hơn nữa, đây cũng là dịp để bà con làng xóm, họ hàng anh em tập trung về để thấp nén hương tri ân các bậc cha ông và gắn kết tình đoàn kết của mọi người lại với nhau. Ngoài ra, đây cũng là dịp để giáo dục các thế hệ trẻ luôn nhớ về cội nguồn của mình, biết ơn tổ tiên và trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của đình làng Thạc Gián.

Đình làng Thạc Gián được xem là một trong số ít các đình làng tại Đà Nẵng còn lưu giữ gần như các nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc, do vậy việc cấp thiết bây giờ là cần chung tay bảo tồn và phát huy các giá trị tốt đẹp ấy. Đặc biệt, các cấp, ban ngành có liên quan cần can thiệp vào việc bảo tồn di tích để nhanh chóng đạt được hiệu quả. Thứ nhất, cần phải tuyên truyền rộng rãi tầm quan trọng của việc bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa nói chung, di tích đình làng Thạc Gián nói riêng và kêu gọi mọi người cùng chung tay bảo tồn đình làng theo tinh thần Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa đã ban hành và có hiệu lực năm 2009, đây là "... cơ sở pháp lý vô cùng quan trọng cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" [6, tr.139]. Thứ hai, tăng cường quản lý của lãnh đạo các cấp. Thứ ba, xã hội hóa việc quản lý và giữ gìn giá trị văn hóa đình, trong đó có bình phong. Thứ tư, quảng bá rộng rãi hình ảnh của đình làng Thạc Gián trên các phương tiện thông tin, đại chúng. Thứ năm, tranh thủ sự đóng góp

hảo tâm của các tổ chức trong và ngoài nước trong việc bảo tồn và phát triển đình làng, ... Hơn nữa, cần duy trì việc tổ chức lễ hội tại đình làng để giáo dục mọi người về các giá trị tốt đẹp của đình làng, đặc biệt là tổ chức các cuộc thi dành cho các thanh thiếu niên để thế hệ trẻ biết yêu quý và trân trọng giá trị của di tích.

5. Kết luận

Bức bình phong ở đình làng Thạc Gián không chỉ đơn giản mang giá trị về mặt trang trí mà còn ẩn chứa nhiều ý nghĩa về mặt tâm linh, phong thủy và là dấu ấn lịch sử một thời đất nước hưng thịnh dưới đời vị vua Minh Mạng. Bức bình phong đã trở thành một nét đẹp không thể thiếu trong tổng thể kiến trúc đình làng Thạc Gián và làm nên cái hồn, cái linh thiêng cho ngôi đình hàng trăm năm tuổi này. Do vậy, mọi người cần chung tay bảo tồn bức bình phong nói riêng và đình làng Thạc Gián nói chung, bởi nếu mất đi thì không chỉ là mất mát về mặt vật chất mà còn là sự thiếu vắng trong tinh thần của mỗi người dân nơi đây. Hơn nữa, đình làng Thạc Gián là di tích cấp Quốc gia nên còn được xem là báu vật vô giá của đất nước, là nơi lưu giữ lịch sử và văn hóa truyền thống của con người Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Mai Anh, "Đôi nét về bình phong ngoại án thời Nguyễn ở Huế", *Tạp chí Di sản Văn hóa*, Số 3(48), 2014, trang 44-48.
- [2] Bảo tàng Đà Nẵng, *Đà Nẵng - Di tích và danh thắng*, NXB Đà Nẵng, 2009.
- [3] Trần Lâm Biền, *Đình làng Việt (châu thổ Bắc Bộ)*, NXB Hồng Đức, 2017.
- [4] Nguyễn Ngọc Chinh, Nguyễn Thanh Trường, Nguyễn Ngọc Nhật Minh, *Bảo tồn, phát triển di tích lịch sử, văn hóa Quảng Nam-Đà Nẵng: Mô hình và giải pháp*, NXB Đà Nẵng, 2016.
- [5] Phan Hồ Điệp, Nguyễn Ngọc Chinh, *Các biểu hiện của triết lý âm dương trong kiến trúc đình làng Thạc Gián, Hội thảo Khoa học Quốc gia*, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, 7/2017.
- [6] Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2007.
- [7] Nguyễn Thừa Ké, "Bình phong trong kiến trúc truyền thống Việt", *Tạp chí Di sản Văn hóa*, Số 9, 2004.
- [8] Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2005.
- [9] Hồ Tấn Tuấn, Lê Xuân Thông, Đình Thị Toan, *Đình làng Đà Nẵng*, NXB Đà Nẵng, 2012.
- [10] <http://www.doisongphapluat.com/to-quoc-xanh/kham-pha/con-gua-hoa-rong-o-hue-a19915.html> (ngày truy cập 11/03/2018).
- [11] <http://visithue.vn/Kh%C3%A1m-ph%C3%A1-Hu%E1%BA%BF/Chi-ti%E1%BA%BF?pid=329&cid=109&Kham-san-su-Hue-Nghetuat-dac-sac-trieu-Nguyen.html> (ngày truy cập 09/12/2017).

(BBT nhận bài: 01/4/2018, hoàn tất thủ tục phản biện: 23/4/2018)